

NGHIÊN CỨU VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG TÂY NAM BỘ TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY THÀNH TỰU VÀ TRIỂN VỌNG

Phạm Tiết Khánh¹

STUDIES ON CULTURE IN SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN THE MEKONG DELTA REGION OF VIET NAM FROM 1975 TO PRESENT ACHIEVEMENTS AND PROSPECTS

Pham Tiet Khanh¹

Tóm tắt – Sử dụng chủ yếu phương pháp tổng quan, bài viết trình bày khái quát thành tựu nghiên cứu văn hoá trong phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ ở Việt Nam giai đoạn từ năm 1975 đến nay. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các công trình ở Việt Nam giai đoạn từ năm 1975 đến nay chủ yếu nhấn mạnh đến các vấn đề sinh thái, kinh tế, chính trị, xã hội; tuy nhiên vấn đề về văn hóa trong phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ chưa được quan tâm nghiên cứu sâu rộng, do đó chưa có công trình riêng đánh giá một cách có hệ thống về thực trạng tác động của văn hóa Tây Nam Bộ cũng như những quan điểm và giải pháp nâng cao hiệu quả tác động tích cực của văn hóa trong phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ. Trên cơ sở nhận diện những thành tựu đã đạt được, bài viết đề xuất triển vọng nghiên cứu về mặt lí luận và thực tiễn vấn đề văn hóa trong phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ.

Từ khóa: *phát triển bền vững, văn hoá trong phát triển bền vững, vùng Tây Nam Bộ.*

Abstract – Using the research method of overview, this article presents an overview of studies on culture in the sustainable development in the Mekong Delta region of Viet Nam from 1975 to present. Research results show that the works in Viet Nam from 1975 to present mainly emphasize on ecological, economic, political and social issues; however, the issue of culture in the Mekong Delta sustainable development has not been paid much attention to in-depth research, so there has not been a separate project to systematically assess the current situation of cultural impacts of the Mekong Delta, as well as ideas and solutions to improve the effectiveness of the positive impact of culture in sustainable development in the Mekong Delta region. On the basis of identifying the achieved achievements, the article proposes research prospects in terms of theory and practice of cultural issues in sustainable development in the Mekong Delta region.

Keywords: *culture in sustainable development, the Mekong Delta region, sustainable development.*

¹ Trường Đại học Trà Vinh

Ngày nhận bài: 3/8/2020; Ngày nhận kết quả bình duyệt: 25/8/2020; Ngày chấp nhận đăng: 31/8/2020

Email: ptkhanh@tvu.edu.vn

¹Tra Vinh University

Received date: 3th August 2020; Revised date: 25th August 2020; Accepted date: 31st August 2020

I. MỞ ĐẦU

Tây Nam Bộ (TNB), còn gọi là Đồng bằng sông Cửu Long, là vùng cực Nam của Tổ quốc, là một bộ phận của châu thổ sông Mekong. Năm 2019, tổng diện tích của vùng là 4.081,6 nghìn ha [1, tr.51] và tổng dân số của vùng là 17.273.630 người [2, tr.157]. Hiện nay, vùng TNB là địa bàn sinh sống của 44 dân tộc ở Việt Nam, trong đó, bốn dân tộc chính là Kinh, Khmer, Hoa và Chăm [3, tr.135 – 136].

Tuy diện tích canh tác nông nghiệp và thủy sản của vùng chưa tới 30% so với cả nước nhưng TNB đóng góp hơn 50% diện tích lúa, 71% diện tích nuôi trồng thủy sản của cả nước [4, tr.3]. Năm 2019, tổng sản phẩm (GRDP) trên địa bàn TNB đạt 933 nghìn tỉ đồng, đóng góp 12,08% cho GDP cả nước; tỉ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế chiếm 1/3 của vùng, 34,6% GDP ngành nông nghiệp và đóng góp 54% sản lượng lúa, 70% sản lượng nuôi trồng thủy sản và 60% lượng trái cây của cả nước [5, tr.1]. Toàn vùng có đến 3.300 km đường thủy [6, tr.81] với hai hệ thống sông lớn là sông Tiền và sông Hậu. TNB có 743 km bờ biển, vùng lãnh hải rộng 360.000 km² với 143 đảo lớn nhỏ và có biên giới trên đất liền tiếp giáp với Campuchia dài trên 340 km [7, tr.7].

Với những đặc điểm trên, TNB được xem là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng, có ý nghĩa đặc biệt về lịch sử, kinh tế, văn hóa; có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng, liên quan chặt chẽ đến vấn đề chủ quyền quốc gia, việc phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ là chiến lược cơ bản và lâu dài, vừa là cấp bách, đã được quán triệt sâu sắc trong đường lối, chủ trương, chính sách và các chương trình, dự án phát triển kinh tế – xã hội, chính trị, văn hóa, môi trường, an ninh – quốc phòng, con người ở cả cấp vĩ mô và vi mô. Tuy nhiên, từ việc tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, chúng tôi nhận thấy việc nghiên cứu về sự phát triển bền vững vùng TNB trong thời gian qua chỉ mới nhấn mạnh đến các vấn đề như sinh thái,

kinh tế, chính trị, xã hội mà chưa chú trọng đến yếu tố văn hóa; chưa xác định được một cách có hệ thống các thành tố và đặc trưng văn hóa các dân tộc ở TNB cũng như những tác động của nó đến sự phát triển bền vững vùng TNB; chưa có công trình riêng đánh giá một cách có hệ thống về thực trạng tác động của văn hóa TNB cũng như những quan điểm và giải pháp nâng cao hiệu quả của văn hóa trong quá trình phát triển bền vững vùng TNB.

Xuất phát từ những tiền đề trên, bài viết tổng thuật thành tựu, hạn chế của nghiên cứu văn hoá trong phát triển bền vững vùng TNB. Trên cơ sở nhận diện những thành tựu đã đạt được, bài viết đề xuất triển vọng nghiên cứu về mặt lí luận và thực tiễn vấn đề văn hóa trong phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ.

II. NỘI DUNG

A. Các nghiên cứu về đặc trưng văn hóa vùng Tây Nam Bộ

Với quá trình lịch sử hình thành và phát triển của mình, TNB là tiểu vùng văn hóa đặc trưng của Việt Nam. Vì vậy, số lượng các công trình nghiên cứu về vùng văn hóa này hiện nay rất lớn. Các nghiên cứu đề cập đến nhiều phương diện thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như *Mấy đặc điểm văn hóa Đồng bằng sông Cửu Long* [8], *Văn hóa Óc Eo và các văn hóa cổ ở Đồng bằng sông Cửu Long* [9], *Miệt vườn sông nước Cửu Long* [10], *Biên khảo Đồng Bằng sông Cửu Long, nét sinh hoạt xưa và văn minh miệt vườn* [11], *Diễn trình văn hóa Đồng bằng sông Cửu Long* [12], *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ* [13], *Đặc điểm văn hóa đồng bằng Sông Cửu Long* [14]... Ở đây, chúng tôi chỉ trình bày tóm tắt một số thành tựu chính trong việc nhận diện đặc trưng văn hóa vùng TNB. Trong công trình *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*, Trần Ngọc Thêm và cộng sự xem ‘TNB như một vùng văn hóa’ với các đặc trưng riêng về không gian, lịch sử và chủ thể [13, tr.60 - 99]. Về không gian, TNB là ‘một đồng bằng phù sa ngọt lớn nhất cả nước

do hệ thống sông Cửu Long bồi đắp’, ‘có độ cao trung bình thấp nhất nước’, ‘có tính sông nước đậm đặc’ [13, tr.69 - 73]; về mặt chủ thể, các tộc người chính là Việt, Khmer, Hoa, Chăm. Vì vậy, các tác giả cho rằng, tuy ‘bức tranh chủ thể văn hóa vùng TNB mang tính đa tộc người rất đặc sắc’ nhưng ‘có tính thống nhất văn hóa cao’ [13, tr.83 - 84]. Theo các tác giả, đây cũng là hai đặc trưng cơ bản của vùng văn hóa TNB. Tương tự, ở chương ‘Vùng văn hóa Nam Bộ’ trong sách *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Trần Quốc Vượng và các tác giả cho rằng vùng văn hóa Nam Bộ có các đặc điểm nổi bật: (1) văn hóa của các cư dân ở đây là văn hóa ở vùng đất mới; (2) quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa diễn ra với một tốc độ mau lẹ; (3) diện mạo tôn giáo tín ngưỡng khá đa dạng và phức tạp” [15, tr.266 - 277]. Ở một cách tiếp cận khác, Lý Tùng Hiếu [16] cho rằng ‘Văn hoá Nam Bộ - Phiên bản mới của văn hoá truyền thống Việt Nam’ với hai đặc trưng cơ bản là ‘đặc trưng đồng bằng sông nước và đặc trưng tiếp biến văn hoá’.

Một công trình khác cần được kể đến là bộ sách *Nam Bộ - Đất và người*. Đây là ấn phẩm định kỳ hàng năm của Hội Khoa học Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh. Công trình tập hợp các bài nghiên cứu của hội viên, nhà nghiên cứu, giảng viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh về các vấn đề lịch sử – văn hóa của vùng đất Nam Bộ. Từ năm 2003 đến năm 2016, kết quả nghiên cứu đã được xuất bản trong 11 tập sách, làm sáng tỏ nhiều vấn đề quan trọng trong tiến trình khai phá, xây dựng và phát triển vùng đất phương Nam, trong đó, có các vấn đề về văn hóa vùng đất TNB được tìm hiểu, kiến giải và trao đổi.

Một bộ sách quan trọng về vùng đất TNB vừa mới được xuất bản là *Vùng đất Nam Bộ*. Đây là kết quả của chương trình khoa học cấp Quốc gia ‘Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ’ được thực hiện từ năm 2008 đến năm 2010 và nghiệm thu năm 2011. Kết quả của chương trình đã được Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật ấn hành năm 2017 thành 11 tập sách gồm:

- *Vùng đất Nam Bộ - Quá trình hình thành và phát triển* [17]
- *Vùng đất Nam Bộ, tập I: Điều kiện tự nhiên, môi trường, sinh thái* [18]
- *Vùng đất Nam Bộ, tập II: Từ cội nguồn đến thế kỷ VII* [19]
- *Vùng đất Nam Bộ, tập III: Từ thế kỷ VII đến thế kỷ XVI* [20]
- *Vùng đất Nam Bộ, tập IV: Từ đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX* [21]
- *Vùng đất Nam Bộ, tập V: Từ năm 1859 đến năm 1945* [22]
- *Vùng đất Nam Bộ, tập VI: Từ năm 1945 đến năm 2010* [23]
- *Vùng đất Nam Bộ, tập VII: Đặc trưng tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt văn hóa* [24]
- *Vùng đất Nam Bộ, tập VIII: Thiết chế quản lý xã hội* [25]
- *Vùng đất Nam Bộ, tập IX: Tộc người và quan hệ tộc người* [26]
- *Vùng đất Nam Bộ, tập X: Tiến trình hội nhập khu vực và thế giới* [27]

Bộ sách này đã nhìn nhận lịch sử hình thành vùng đất Nam Bộ từ góc nhìn lịch sử, văn hóa, thể chế, tộc người, trong đó, các vấn đề về sự hình thành và bản sắc văn hóa con người và vùng đất TNB đã được bàn đến từ nhiều khía cạnh khác nhau. Bên cạnh đó, các công trình về lịch sử vùng đất Nam Bộ khác như *Lịch sử vùng đất Nam Bộ: một số kết quả nghiên cứu* [28], *Lịch sử hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ (từ khởi thủy đến năm 1945)* [29] đã có các nghiên cứu liên quan đến văn hóa, con người và vùng đất TNB.

Cùng với các công trình nghiên cứu chung, bao quát về đặc trưng văn hóa TNB, chúng ta phải kể đến các nghiên cứu về đặc trưng văn hóa của từng tộc người ở vùng đất này, mà trọng tâm là các nghiên cứu về văn hóa bốn tộc người Việt, Khmer, Hoa và Chăm.

Trước hết là các nhóm nghiên cứu về người Việt. So với các dân tộc khác, các nghiên cứu về đặc trưng văn hóa người Việt ở TNB chiếm số lượng rất lớn, đề cập đến nhiều vấn đề như văn hóa dân gian, tín ngưỡng, tôn giáo, lịch sử, đặc điểm kinh tế – xã hội, văn

học nghệ thuật, tâm lí. Trong đó, chúng ta thấy tiêu biểu như *Văn hóa dân gian người Việt ở Nam Bộ* [30], *Văn hoá các dân tộc Tây Nam Bộ - Thực trạng và những vấn đề đặt ra* [31], *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ* [32], *Ấm thực người Việt Tây Nam Bộ từ góc nhìn địa văn hóa* [33]... Công trình của nhóm tác giả Thạch Phương, Hồ Lê, Huỳnh Lứa, Nguyễn Quang Vinh [30] trình bày có hệ thống các thành tố văn hóa dân gian trong tổng thể văn hóa dân gian người Việt ở Nam Bộ. Hơn thế, từ hiện thực của một vùng văn hóa dân gian, công trình nêu lên giả thuyết về những phương cách tối ưu nhằm điều hòa hợp lí mối quan hệ giữa các yếu tố được kế thừa từ quá khứ, với những yếu tố đổi mới, giao lưu, tiếp nhận và sáng tạo ngày nay, trong quá trình phát triển xã hội và phát triển nhân cách con người Việt Nam hiện đại. Trần Văn Bính [31] đánh giá, phân tích tương đối toàn diện, khách quan về thực trạng đời sống văn hóa của một số dân tộc thiểu số vùng Tây Nam Bộ trong công cuộc đổi mới. Đồng thời, tác giả dự báo xu hướng, đề xuất giải pháp vừa cơ bản vừa cấp bách nhằm phát triển đời sống văn hoá các dân tộc trên địa bàn dưới tác động của quá trình thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đặc biệt, gần đây nhất, chúng ta phải kể đến công trình *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ* [32]. Trong phần tổng quan, các tác giả đã trình bày khái quát lịch sử vấn đề nghiên cứu văn hóa người Việt vùng TNB xét theo bốn yếu tố cơ bản: thời gian, chủ thể, không gian, so sánh với các tộc người và với các vùng khác. Về đặc trưng văn hóa người Việt vùng TNB, dựa trên cấu trúc hệ thống loại hình, các tác giả trình bày đặc trưng văn hóa theo các thành tố: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội và các đặc trưng tính cách văn hóa của người Việt vùng Tây Nam Bộ. Công trình nhận diện cấu trúc văn hóa TNB trên các thành tố vật chất và tinh thần. Có thể nói, đây là công trình công phu, nghiên cứu một cách có hệ thống các đặc trưng văn hóa người Việt TNB.

Thứ hai là các nghiên cứu về người Khmer.

Nhìn lại việc nghiên cứu dân tộc Khmer từ trước đến nay, chúng tôi nhận thấy các công trình nghiên cứu có số lượng đáng kể. Nhiều chuyên khảo đã phân tích khá tường tận nguồn gốc cư dân và lịch sử tộc người, hoạt động kinh tế, phong tục tập quán, văn hóa vật chất và tinh thần của dân tộc Khmer. Những công trình viết về dân tộc Khmer của các học giả nước ngoài tuy có giá trị tư liệu quan trọng, nhưng nó cũng còn có những hạn chế nhất định trong cách nhìn, cách tiếp cận. Những công trình nghiên cứu của các học giả Việt Nam có những phân tích, lí giải khá kĩ đối với các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa của dân tộc Khmer. Kết quả nghiên cứu về dân tộc và quan hệ dân tộc ở người Khmer từ sau năm 1975 đến nay đã có những đóng góp đáng kể về lí luận và thực tiễn, là cơ sở khoa học góp phần vào việc hoạch định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay. Những kết quả nghiên cứu đó đã góp phần làm sáng tỏ các mối quan hệ giữa các tộc người ở nước ta. Đó là mối quan hệ đoàn kết, gắn bó giữa những cộng đồng tại chỗ trong mưu sinh, sự thông cảm, chia sẻ, giúp đỡ và cùng chung nhau lao động, đoàn kết, gắn bó giữa các dân tộc với nhau trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các công trình này thường tiến hành các cuộc khảo sát, điều tra, điền dã dân tộc học để có cơ sở khoa học cho các nhận định, tổng kết. Những cuộc khảo sát, điều tra về nghèo đói, giáo dục, văn hoá đã cung cấp số liệu quan trọng về tình hình, thực trạng kinh tế – xã hội ở dân tộc Khmer. Tình trạng nghèo đói, sự hạn chế về trình độ dân trí là một thực tế ở các dân tộc, đặc biệt là trong cộng đồng người Khmer. Việc thực hiện chính sách dân tộc chưa thật linh hoạt và hợp lí đã hạn chế quá trình phát triển bền vững ở dân tộc Khmer khi bước vào thời kì tiếp tục đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, hội nhập khu vực và quốc tế. Bên cạnh đó là nhiều đề tài, bài viết đề cập đến những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc và quan hệ

dân tộc ở Việt Nam, về vấn đề dân cư, dân tộc và tôn giáo, về chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước đối với dân tộc thiểu số và về việc phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc và về những vấn đề nổi lên ở các dân tộc, trong đó có dân tộc Khmer. Những nghiên cứu về đặc trưng văn hóa tộc người của người Khmer có thể kể các khảo cứu: *Người Việt gốc Miên* [34], *Người Khơ-me* [35], *Người Khơme tỉnh Cửu Long* [36], *Người Khmer ở Kiên Giang* [37], *Văn hoá và xã hội người Khmer Nam Bộ* [38]. Qua các công trình này, các tác giả đã cung cấp những thông tin cơ bản và tổng thể về dân số, địa bàn cư trú, các mặt kinh tế – văn hóa – xã hội của người Khmer dưới tác động của điều kiện tự nhiên của vùng đất Nam Bộ. Với hiểu biết sâu sắc về người Khmer và thông thạo chữ Khmer, khảo cứu của Lê Hương [34] cung cấp nhiều thông tin trong đó có cả khía cạnh lịch sử, hoạt động buôn bán ven biên giới Việt Nam – Campuchia trước năm 1975. Nhóm tác giả thuộc Sở Văn hóa Thông tin Cửu Long [36] lại cung cấp những thông tin chuyên sâu về cộng đồng người Khmer thông qua việc nghiên cứu trường hợp ở các tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long ngày nay. Đoàn Thanh Nô [37] nghiên cứu người Khmer ở tỉnh Kiên Giang. Nghiên cứu của Sở Văn hóa Thông tin Cửu Long [36] và Đoàn Thanh Nô [37] cho chúng ta những so sánh đồng đại về tính thống nhất và tính đa dạng của văn hóa người Khmer ở Trà Vinh – Vĩnh Long với người Khmer ở Kiên Giang. Ba công trình của Nguyễn Xuân Nghĩa, Phan An [35], Sở Văn hóa Thông tin Cửu Long [36] và Phan An [38] đều thể hiện những vấn đề cơ bản của dân tộc học, có chú ý đến quá trình các dân tộc thiểu số (cụ thể là người Khmer) tham gia ‘chống chủ nghĩa đế quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm phục vụ những yêu cầu thực tiễn của đất nước nhất là ở vùng dân tộc thiểu số’ [35, tr.5].

Theo quan niệm phổ biến, văn hóa được nhận diện ở ba thành tố lớn: văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần và văn hóa xã hội. Về văn hóa vật chất, công trình *Nhà ở, trang*

phục, ăn uống của các dân tộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long [39] giới thiệu một phức thể chính: nhà ở, trang phục, ăn uống trong tương quan so sánh với người Chăm, người Hoa, người Việt trong quá trình thích nghi với điều kiện tự nhiên của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Tác giả cũng xem phức hợp ba yếu tố văn hóa trên là ‘văn hóa bảo đảm đời sống’ theo cách phân loại của nhà dân tộc học Markarian, trường phái dân tộc học Xô viết. Tiếp cận khái niệm văn hóa vật chất với ba yếu tố chính như vừa nêu (văn hóa bảo đảm đời sống) nên công cụ sản xuất, kỹ thuật chế tác công cụ sản xuất không được quan tâm trong công trình này. Về văn hóa xã hội, tiêu biểu là *Loại hình công xã của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long* [40]. Ngoài phần giới thiệu về địa bàn cư trú của người Khmer, tác giả đã trình bày về cấu trúc và chức năng của phum và sóc, với tư cách là những cộng đồng cư trú - công xã và các mối quan hệ giữ vai trò cố kết bên trong các cộng đồng cư trú này: quan hệ huyết thống, quan hệ hôn nhân và quan hệ láng giềng, trong đó, quan hệ láng giềng đang ngày càng giữ vai trò ưu thế. Khi phân tích về vai trò quản lí trong phum sóc, tác giả đã chú ý đến vai trò của Phật giáo Nam tông và của sư sãi người Khmer. Ở góc độ này, có thêm bài viết *Văn hóa phum sóc Khơme ở Đồng bằng sông Cửu Long* [41]. Trong công trình này, tác giả có phần nhấn mạnh đến chức năng của ngôi chùa với vai trò trung tâm giáo dục, trung tâm sinh hoạt cộng đồng của phum, sóc người Khmer. Cũng cần nói thêm là, trong bối cảnh gia tăng dân số và di động về dân cư, cư dân trong các phum, sóc người Khmer đã ngày càng tiếp nhận thêm cư dân là người Việt và người Hoa, tạo nên quá trình cộng cư ngày càng mạnh mẽ hơn. Ngày nay, chúng ta khó còn thấy phum, sóc nào thuần nhất là toàn người Khmer.

Về văn hóa tinh thần, với tư cách là một tiểu hệ thống gồm nhiều yếu tố thành phần nên số lượng công trình chiếm nhiều nhất. Trong những công trình nghiên cứu văn hóa tinh thần của người Khmer, các tác giả chú

ý trước hết đến Phật giáo Nam Tông. Điều này xuất phát từ thực tế sinh động đời sống của người Khmer khi Phật giáo Nam tông tác động đến mọi cấp độ cá nhân, gia đình, phum sóc và toàn xã hội. Ngoài việc miêu tả nếp sinh hoạt truyền thống theo Phật giáo Nam tông, một số công trình còn chú ý đến chức năng giáo dục, chức năng tổ chức xã hội (cổ kết các thành viên trong cộng đồng, tổ chức bộ máy tự quản phum sóc) và chức năng điều tiết hành vi xã hội và tác động đến nhiều khía cạnh khác của Phật giáo Nam tông trong xã hội người Khmer [42] - [44], trong đó, có vai trò trung tâm trong sinh hoạt cộng đồng của ngôi chùa [45]. Các nghiên cứu về văn hóa nghệ thuật của người Khmer chiếm tỉ trọng đáng kể trong các công trình nghiên cứu về văn hóa tinh thần của người Khmer. Đóng góp của các công trình này thể hiện nét độc đáo trong âm nhạc, nghệ thuật biểu diễn của người Khmer [46]. Thông qua các công trình này chúng ta biết được rằng, ngôi chùa cũng là nơi lưu giữ và truyền dạy các giá trị nghệ thuật truyền thống của người Khmer. Lễ hội và phong tục tập quán trong đời sống gia đình cũng như trong đời sống cộng đồng phum sóc cũng rất được các nhà nghiên cứu chú ý. Một số công trình nghiên cứu về hệ thống các lễ hội và lễ nghi theo phong tục tập quán của người Khmer như *Các lễ hội truyền thống của đồng bào Khmer Nam Bộ* [47], *Phong tục và nghi lễ vòng đời người Khmer Nam Bộ* [48], *Hôn nhân cổ truyền của người Khơ Me* [49]. Điều đáng chú ý là những nghiên cứu về lễ hội và phong tục tập quán của người Khmer nói chung trong những năm gần đây đặt sự quan tâm nhiều đến những biến đổi trong bối cảnh giao lưu văn hóa và ý thức cách tân trong chính cộng đồng người Khmer. Hệ thống các lễ hội cộng đồng truyền thống của người Khmer như Ok Om Bok, Chol Chnam Thmay, Sel Dolta hiện đã trở thành những lễ hội chung của cư dân Đồng bằng sông Cửu Long hoặc của cộng đồng dân cư tại một địa phương, một khu vực gồm nhiều huyện. Đây cũng là một minh chứng cho quá trình giao lưu văn hóa giữa

các dân tộc ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

Nhìn chung, văn hóa là một hệ thống bao gồm nhiều yếu tố nên các nghiên cứu thuộc lĩnh vực này rất phong phú và đa dạng, phản ánh được nhiều khía cạnh của văn hóa tộc người Khmer ở Việt Nam. Thứ ba là các nghiên cứu về văn hóa người Hoa. Những công trình nghiên cứu có liên quan đến lịch sử văn hóa, trong đó có các cơ sở thờ tự, lễ hội thuộc tín ngưỡng của các cộng đồng người Hoa đa phần đều được biên soạn vào thế kỉ XIX như *Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức (1765-1825)* [50], *Đại Nam nhất thống chí do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn từ năm 1865 đến 1882* [51], Trịnh Hoài Đức [52] và nhóm tác giả thuộc Quốc sử quán triều Nguyễn [53] đã ghi chép vắn tắt những dữ liệu lịch sử và khảo tả các chi tiết về các cơ sở tín ngưỡng cùng tập tục tín ngưỡng của người Hoa ở đất Nam Bộ.

Các công trình có quan tâm đến lịch sử, kinh tế – xã hội của người Hoa ở Việt Nam nói chung, vùng Nam Bộ nói riêng, trước hết có thể kể đến cuốn *Người Hoa ở Miền Nam Việt Nam* [52], *Người Hoa Việt Nam và Đông Nam Á (Hình ảnh hôm qua và vị thế hôm nay)* [53]. Ngoài ra, còn các bài viết trên các báo, tạp chí như *Xưa và Nay*, *Sài Gòn giải phóng*, *Đại đoàn kết*, *Kiến thức ngày nay*, *Kiến thức gia đình*, *Việt Nam và Đông Nam Á ngày nay*, *Quê Hương*, *Văn hóa nghệ thuật...* Trần Hồng Liên, Nguyễn Ngọc Thơ, Nguyễn Hoàng Giáp, Lâm Hiếu, Huỳnh Văn Tới đã có nhiều bài viết nghiên cứu về người Hoa ở Nam Bộ, ở Việt Nam và khu vực đã đề cập đến các vấn đề như lịch sử, kinh tế – xã hội và văn hóa. Riêng Trần Hồng Liên, Nguyễn Ngọc Thơ, Châu Thị Hải phần nhiều tập trung viết về văn hóa, trong đó phương diện chính được quan tâm là tín ngưỡng, tôn giáo.

Ngoài ra, sách viết dưới dạng địa phương chí ở Nam Bộ như *Gia định xưa và nay*, *Tây Ninh xưa và nay*, *Kiến Hòa xưa và nay*, *Gò Công xưa và nay*, *Vĩnh Long xưa và nay*, *Cần Thơ xưa và nay của Huỳnh Minh*; *Sài Gòn*

năm xưa của Vương Hồng Sển; *Biên Hòa sử lược tân biên* của Lương Văn Lựu. Các sách này đã cung cấp nhiều dữ liệu liên quan đến cơ sở thờ tự như đền, miếu, chùa chiền của người Hoa xưa và nay, tuy nhiên, do các ghi chép chủ yếu theo kiểu khẩu truyền nên chưa có sự đối xứng, gọn lọc.

Các sách viết về người Hoa ở Nam Bộ có nhiều công trình nổi tiếng của các tác giả như Phan An, Trần Hồng Liên, Nguyễn Cẩm Thúy, Ngô Văn Lệ, Đặng Trường – Hoài Thu, Huỳnh Ngọc Trảng, Trần Thị Anh Vũ. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chỉ đề cập đến một số phương diện của văn hóa như tín ngưỡng, lễ hội và văn hóa vật chất của người Hoa ở miền TNB, còn các phương diện văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, xã hội; tổ chức cá nhân và cộng đồng; văn hóa nhận thức của người Hoa ở miền TNB cũng như sự phát triển bền vững văn hóa của người Hoa vẫn chưa được chú trọng nhiều.

Nhóm thứ tư là các nghiên cứu về văn hóa người Chăm ở TNB. So với các nghiên cứu của ba dân tộc Khmer, Việt và Hoa ở TNB, những nghiên cứu về văn hóa Chăm chiếm số lượng ít hơn. Các nghiên cứu tiêu biểu như *Văn hóa Chăm* [54], *Du khảo văn hóa Chăm* [55], *Tiếp cận một số vấn đề văn hóa Champa* [56], *Di sản văn hóa Chăm* [57], *Đại nét văn hóa ăn uống của người Chăm An Giang* [58], *Hồi giáo trong đời sống văn hóa vật chất của người Chăm ở An Giang* [59], *Thoại Sơn trên đường phát triển bền vững* [60]... Bài viết của Nguyễn Hữu Hiệp [58] giới thiệu những nét đặc trưng rất độc đáo trong văn hóa ẩm thực của người Chăm ở An Giang. Một số món ăn truyền thống được dùng trong những lễ tiệc của người Chăm như Cà Ri Chà, Cơm Nị, Cà Púa, Phú Ku, Bánh Đin-Pà-Gòn, Bánh Ha-Nàm-Căn. Ngày nay, hầu hết món ăn truyền thống này đều được sáng tạo dựa trên cơ sở phối hợp hài hòa những nguyên liệu sẵn có ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Mai Thị Minh Thụy [59] đã khái quát đôi nét về người Chăm ở An Giang. Tác giả cũng cho thấy tôn giáo đã ảnh hưởng đến mọi khía cạnh trong đời sống văn hóa

của người Chăm ở An Giang. Trong đó, hồi giáo có nhiều tác động đến văn hóa ẩm thực, văn hóa trang phục và văn hóa cư trú – kiến trúc của người Chăm. Ngoài ra, hồi giáo còn tác động mạnh mẽ đến đời sống văn hóa tinh thần của người Chăm An Giang như vai trò của nam và nữ giới trong cộng đồng, tổ chức đời sống cộng đồng, giáo dục, nghi lễ vòng đời. Chính những điều này tạo cho dân tộc Chăm có một nền văn hóa đa dạng và đặc sắc. Nghiên cứu trường hợp *Thoại Sơn trên đường phát triển bền vững* của Trương Quang Hải [60] là một trong những công trình đáng quan tâm về phát triển bền vững. Kết quả nghiên cứu đã khái quát quá trình phát triển vùng đất và cộng đồng dân cư; điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và môi trường; kinh tế; văn hóa Óc Eo qua di tích và di vật trên vùng đất Thoại Sơn; nguồn lực phát triển và lợi thế so sánh; định hướng tổ chức không gian phát triển theo hướng bền vững.

Nhìn chung, các nghiên cứu về đặc trưng văn hóa vùng cũng như của các dân tộc vùng TNB khá phong phú và đa dạng. Các nghiên cứu giúp chúng ta có những hiểu biết cơ bản và toàn diện về bức tranh văn hóa của các dân tộc nơi đây. Tuy nhiên, chúng ta vẫn chưa có những nghiên cứu riêng về vai trò văn hóa của các tộc người vùng TNB đối với sự ổn định và phát triển bền vững vùng đất này.

B. Nhóm các nghiên cứu về văn hóa và sự phát triển bền vững ở Việt Nam nói chung, ở vùng Tây Nam Bộ nói riêng

Những nghiên cứu bàn về văn hóa và phát triển bền vững ở Việt Nam nói chung, văn hóa và phát triển bền vững vùng TNB là nhóm nghiên cứu trọng tâm, liên quan trực tiếp đến đề tài. Tuy nhiên, số lượng các công trình nghiên cứu thuộc nhóm này không nhiều và phần lớn còn tản mạn.

Thứ nhất là những công trình thể hiện quan điểm, chính sách, mục tiêu, tiêu chí về phát triển bền vững của Đảng và Nhà nước. Có thể nói, các nghiên cứu về phát triển bền vững ở Việt Nam được bắt đầu muộn hơn so

với trên thế giới. Tại Việt Nam, trong lĩnh vực phát triển bền vững, những khởi động đầu tiên về phương pháp luận có thể thuộc về Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Năm 1997, trong khuôn khổ Dự án năng lực thế kỷ XXI, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất bộ tiêu chí gồm ba nhóm: kinh tế, xã hội và môi trường, với mười chỉ tiêu các loại [61]. Tương tự, năm 1997, trong báo cáo “Tiến trình hướng tới phát triển bền vững của Việt Nam”, bộ chỉ tiêu được chi tiết thành bộ chỉ tiêu phát triển bền vững của Việt Nam cũng chỉ gồm ba nhóm, chưa có nhóm văn hóa: nhóm phát triển xã hội (14 chỉ tiêu), nhóm phát triển kinh tế (04 chỉ tiêu) và nhóm bảo vệ môi trường (05 chỉ tiêu). Năm 2005, với sự giúp đỡ của UNDP, DANIDA, SIDA, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Chương trình Nghị sự 21 tại Việt Nam đã đề xuất báo cáo ‘Thống nhất cách thiết lập bộ chỉ số phát triển bền vững và cơ chế xây dựng cơ sở dữ liệu phát triển bền vững ở Việt Nam’ (Project VIE/01/021. Identification of a sustainable development indicator set and mechanism for building a sustainable development database in Viet Nam). Trên cơ sở đó, năm 2004, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg, ngày 17/8/2004 ban hành Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam) [62]. Đặc biệt, năm 2017, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc vừa ký ban hành Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu [63]. Bên cạnh đó, các vấn đề về phát triển bền vững còn được đề cập trong một số báo cáo về phát triển con người, phát triển Việt Nam như *Báo cáo phát triển Việt Nam năm 2000: Việt Nam tấn công nghèo đói*, *Báo cáo phát triển con người Việt Nam 2001...*

Từ phương diện quan điểm và văn bản chính sách, Việt Nam là một nước sớm ứng hộ và triển khai các chương trình hành động về phát triển bền vững. Với ý nghĩa là một văn kiện đầu tiên của Đảng về lĩnh vực văn hóa, *Đề cương văn hóa Việt Nam* do Trường

Chinh khởi thảo và công bố năm 1943 đã đề cập đến mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế và chính trị. *Đề cương văn hóa Việt Nam* đã xác định văn hóa là ‘nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng trên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hoá của xã hội kia’. Vì vậy, Đảng ta đã xác định văn hóa là một trong ba mặt trận đấu tranh và cách mạng văn hóa có vai trò quan trọng bên cạnh cách mạng chính trị và kinh tế. Từ bước phác thảo ban đầu của *Đề cương văn hóa Việt Nam*, những quan điểm của Đảng về mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển ngày càng được hoàn thiện dần. Năm 1991, Văn kiện Đại hội VII khẳng định: ‘Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường’ (*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*). Chính vì vậy, vào năm 1992, Việt Nam đã cùng với các nước đầu tiên kí cam kết thực hiện Chương trình nghị sự 21 tại Hội nghị Thượng đỉnh về trái đất ở Rio De Janeiro. Để thực hiện cam kết này, vào năm 2004, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành *Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam*, trong đó, khẳng định ba trụ cột của phát triển bền vững là kinh tế, xã hội, môi trường [62].

Kể từ đó, trong các Đại hội tiếp theo, Đảng ta luôn khẳng định sự phát triển đất nước phải được dựa trên các trụ cột phát triển bền vững, không chỉ là kinh tế, xã hội, môi trường mà còn là văn hóa và quốc phòng an ninh. Tại Đại hội IX (2001), Đảng khẳng định: ‘Tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường; kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường quốc phòng và an ninh’ [64, tr.89].

Để thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, vào năm 2012, Thủ tướng phê duyệt *Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020* [65], trong đó, tiếp tục khẳng định các trụ cột phát triển bền vững, yếu tố văn hóa được đặt chung trong trụ cột xã hội.

Liệt kê các văn bản theo dòng thời gian

cho thấy, Việt Nam là nước sớm hưởng ứng và thực hiện các cam kết về phát triển bền vững. Đồng thời, bên cạnh các trụ cột mà thế giới thừa nhận, Việt Nam đã sớm bổ sung hai trụ cột là văn hóa và quốc phòng, an ninh; trong đó, trụ cột văn hóa đã được khẳng định từ rất sớm.

Cũng năm 2012, đồng thời với *Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020*, Chính phủ đã ban hành *Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2012-2015*, trong đó xác định cụ thể các mảng công việc cần thực hiện để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991), Đảng ta đã chủ trương coi văn hóa là một trụ cột quan trọng của phát triển. Đến năm 1993, tại Hội nghị Trung ương lần thứ 4 khoá VII, Đảng đã khẳng định: ‘Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, thể hiện tầm cao và chiều sâu về trình độ phát triển của một dân tộc, là sự kết tinh những giá trị tốt đẹp nhất trong quan hệ giữa người với người, với xã hội và với thiên nhiên. Nó vừa là động lực phát triển kinh tế xã hội, vừa là mục tiêu của chúng ta’ [66, tr.45 - 51]. Đó là tiền đề để đến năm 1998, trong Hội nghị lần thứ 5 của Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII, lần đầu tiên, Đảng đã ra một nghị quyết riêng về văn hóa: ‘Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc’, trong đó chính thức nêu quan điểm: *văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội*. Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, Đảng đã phát động một cuộc tổng kết trong cả nước. Kết quả của cuộc tổng kết đã chỉ ra những thành tựu, hạn chế và nêu yêu cầu cần ban hành một nghị quyết mới về văn hóa, đáp ứng những thay đổi về bối cảnh cũng như đáp ứng những yêu cầu bức thiết trong xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Đó là bối cảnh ra đời của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9, khoá XI vào năm 2014.

Thứ hai, từ góc độ các công trình nghiên cứu, văn hóa và phát triển bền vững cũng đã ít nhiều được đề cập ở một số công trình, một số hội nghị, hội thảo khoa học dưới nhiều hình thức khác nhau. Tiêu biểu là các nghiên cứu của Nguyễn Hồng Phong, Phạm Xuân Nam, Hoàng Chí Bảo, Phạm Duy Đức, Dương Trung Quốc, Đỗ Huy, Nguyễn Văn Dân, Vũ Tuấn Huy, Mai Hải Oanh, Trần Huy Tạo... Tập trung nhiều hơn cả là các công trình bàn về vấn đề văn hóa và phát triển, về triết lý phát triển. Người khởi xướng cho hướng nghiên cứu này là Nguyễn Hồng Phong. Đầu tiên là tập hợp các bài viết về chủ đề xã hội, văn hóa và phát triển trong *Một số vấn đề về hình thái kinh tế xã hội văn hóa và phát triển* [67]. Sau đó, các bài viết được tập hợp in trong cuốn: *Một số công trình nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, Tập 3: Văn hóa và phát triển* [68]. Công trình *Một số vấn đề về hình thái kinh tế xã hội văn hóa và phát triển* [67] tập hợp 17 bài viết theo chủ đề xã hội, văn hóa và phát triển. Trong đó, liên quan đến vấn đề văn hóa và phát triển là các bài: *Sức mạnh văn hóa dân tộc trong xây dựng và quản lý đất nước, Giải pháp văn hóa của phát triển, Văn hóa và sự phát triển nội sinh, Văn hóa với sự phát triển xã hội trong thời đại ngày nay*. Qua các bài viết, tác giả khẳng định văn hóa như là nguồn sức mạnh nội sinh, một giải pháp của dân tộc trong việc phát triển kinh tế nói riêng, trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay nói chung. Tương tự, trong công trình *Một số công trình nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn* [68], Nguyễn Hồng Phong đã đặt vấn đề xem xét văn hóa như một nguồn lực nội sinh để phát triển đất nước. Ông đã chỉ ra sự phát triển của nền kinh tế thị trường sẽ dẫn đến nhiều hệ lụy: a) về mặt xã hội, đó là sự bất bình đẳng trên phạm vi toàn cầu (giữa các quốc gia, giữa các tầng lớp và vùng miền trong một quốc gia); b) về mặt lối sống, đó là lối sống chạy theo lợi nhuận và chạy theo lối sống tiêu thụ mà hậu quả của nó sẽ là cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường; đồng thời, con người bị biến thành phương

tiện chứ không phải là cứu cánh. Tình trạng này khiến cho ‘sự phát triển càng ngày càng là một sự thoái hóa chứ không phải là một sự cải thiện, phí tổn lớn hơn những cái lợi mà người ta rút ra từ đó’ [69]. Để hóa giải mâu thuẫn này, Nguyễn Hồng Phong đề nghị một giải pháp mà ông gọi là “giải pháp khoa học xã hội nhân văn” hay là “giải pháp văn hóa”. Ở đó, nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn cần đưa ra/tính đến logic của mô hình kinh tế đoàn kết thay cho logic của mô hình kinh tế thị trường mà mục tiêu xã hội và con người là cứu cánh phải là mục tiêu của tăng trưởng. Giải pháp văn hóa sẽ là công nghệ trung gian (trong tinh thần đa nguyên công nghệ: công nghệ truyền thống, công nghệ trung gian, công nghệ hiện đại) có nhiệm vụ: a) tìm hãm xu hướng công nghệ bắt chước đang làm suy yếu văn hóa sáng tạo của các nước kém phát triển; b) thỏa hiệp giữa yêu cầu cấp bách về nhu cầu vật chất và bảo vệ văn hóa truyền thống; c) sửa chữa những rối loạn văn hóa do việc làm tan rã sơ đồ truyền thống một cách đột ngột.

Tiếp tục hướng nghiên cứu này là các công trình *Phương pháp luận về vai trò của văn hóa trong phát triển* [70], *Văn hóa vì phát triển* [71]. *Phương pháp luận về vai trò của văn hóa trong phát triển* là tập hợp, lựa chọn các bài viết từ hội thảo có chủ đề Phương pháp luận về vai trò của văn hóa trong phát triển do Viện Khoa học Xã hội Việt Nam tổ chức vào ngày 4-5/11/1992. Đây là cuộc hội thảo lần thứ hai, nối tiếp hội thảo lần thứ nhất có chủ đề văn hóa và phát triển diễn ra tại Hà Nội năm 1991. Cả hai cuộc hội thảo đều đi đến nhận thức chung, có tính phương pháp luận về mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển là: ‘văn hóa là yếu tố nội sinh, là động lực và là mục tiêu của phát triển; và công cuộc phát triển của đất nước Việt Nam phải được xây dựng trên nền móng vững chắc là văn hóa dân tộc Việt Nam’ [70, tr.8].

Ra đời trong bối cảnh cả nước đang triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam

tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, công trình *Văn hóa vì phát triển* [71] đã chỉ ra những nhận thức sai lầm về phát triển trên thế giới, tiêu biểu là năm mô hình “phát triển xấu” mà nhân loại đang phải đối mặt: tăng trưởng kinh tế nhưng việc làm ngày càng giảm đi; tăng trưởng kinh tế nhưng phân hóa giàu nghèo ngày một sâu sắc; tăng trưởng kinh tế nhưng đa số dân chúng không có quyền làm chủ; tăng trưởng kinh tế nhưng suy thoái về văn hóa, đạo đức; và tăng trưởng kinh tế nhưng môi trường ô nhiễm, tài nguyên cạn kiệt [71, tr.8 - 9]. Vì vậy, một mặt, Phạm Xuân Nam đặc biệt khẳng định vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững: ‘dân tộc nào, quốc gia nào nếu không muốn bị tụt lại đằng sau đà tiến chung của thế giới, thì cần phải coi trọng hơn nữa vai trò của trí tuệ, của văn hóa trong sự nghiệp phát triển của chính mình’ [71, tr.214 - 215]; mặt khác, Phạm Xuân Nam cũng đã chỉ ra tính đa dạng của văn hóa trong phát triển, coi sự thừa nhận và tôn trọng tính đa dạng là một nhận thức quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của văn hóa trong sự nghiệp phát triển chung của đất nước. Về mặt cấu trúc, công trình gồm ba phần với ba nhóm vấn đề chính: thứ nhất là về vai trò của văn hóa trong phát triển nói chung và trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội ở nước ta hiện nay nói riêng; thứ hai là vai trò của văn hóa trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội như trong kinh doanh, trong quản lý môi trường, trong việc đổi mới tư duy lý luận và trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và thứ ba là vai trò của văn hóa trong giao lưu và hợp tác quốc tế. Nhìn qua cấu trúc các vấn đề của công trình, chúng ta có thể nhận thấy do công trình đề cập đến nhiều vấn đề nên còn dàn trải, thiếu chiều sâu.

Bên cạnh đó, văn hóa và phát triển còn được đề cập đến trong các nghiên cứu về triết lý phát triển ở Việt Nam. Tiêu biểu cho vấn đề này là chương trình nghiên cứu cấp Bộ *Triết lý phát triển ở Việt Nam* của Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia (1997-2000). Chương trình bao gồm sáu đề

tài nhánh:

- *Triết lý phát triển C.Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin, Hồ Chí Minh* do Nguyễn Văn Huyền làm chủ nhiệm;

- *Triết lý về mối quan hệ giữa cái kinh tế và cái xã hội trong phát triển* do Phạm Xuân Nam làm chủ nhiệm;

- *Triết lý phát triển: Quan hệ công nghiệp - nông nghiệp, thành thị - nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam* do Lê Cao Đoàn thực hiện;

- *Bản sắc dân tộc và hiện đại hóa trong văn hóa* do Hoàng Trinh thực hiện;

- *Đạo đức và pháp luật trong triết lý phát triển ở Việt Nam* do Vũ Khiêu, Thành Duy thực hiện;

- *Mối quan hệ giữa con người và tự nhiên trong phát triển xã hội* do Hồ Sĩ Quý làm chủ nhiệm.

Các đề tài nhánh cũng như toàn bộ nội dung chương trình nghiên cứu đã được xuất bản, cụ thể là: *Triết lý về mối quan hệ giữa cái kinh tế và cái xã hội trong phát triển* [72], *Triết lý phát triển ở Việt Nam – mấy vấn đề cốt yếu* [73]. Nếu như *Triết lý về mối quan hệ giữa cái kinh tế và cái xã hội trong phát triển ở Việt Nam - mấy vấn đề cốt yếu* là công trình có tính tập hợp các đề tài. Ngoài việc giới thiệu khái quát nội hàm các khái niệm triết lí, triết lí phát triển, *Triết lý phát triển ở Việt Nam - mấy vấn đề cốt yếu* còn trình bày những vấn đề cơ bản về triết lí phát triển theo quan niệm của chủ nghĩa Marx – Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh; những triết lí về mối quan hệ giữa cái kinh tế và cái xã hội, bản sắc dân tộc và hiện đại, đạo đức và pháp luật, con người và tự nhiên trong quá trình phát triển bền vững. Kết quả của chương trình là những cơ sở lí luận, những định hướng quan trọng cho việc nghiên cứu mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển bền vững ở vùng TNB.

Bên cạnh đó, năm 2010, công trình *Phát triển văn hoá Việt Nam giai đoạn 2011-2020* [74] là một trong những kết quả nghiên cứu bước đầu của đề tài khoa học cấp Nhà nước *Phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn*

2011-2020. Công trình đã phân tích thực trạng xây dựng và phát triển văn hoá trong 25 năm Đổi mới vừa qua; dự báo những xu hướng vận động, phát triển và đề xuất phương hướng, quan điểm và giải pháp phát triển văn hoá Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020. Theo các tác giả, về phương pháp tiếp cận, vấn đề nghiên cứu phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 phải đặt trên cơ sở phương pháp tiếp cận liên ngành, xác định rõ cơ sở kinh tế – chính trị xã hội, sự tác động của môi trường quốc tế và sự vận động nội tại của các nguồn lực văn hóa dân tộc trong quá trình phát triển. Về mặt khái niệm, phát triển văn hóa là một khái niệm đa nghĩa bao gồm sự thay đổi văn hóa theo xu thế tiến bộ, đảm bảo sự đa dạng văn hóa giữa các dân tộc và sự phát triển văn hóa không phải là sự phát triển đơn tuyến mà là sự phát triển đa tuyến, đa dạng.

Đề cập đến chủ thuyết phát triển Việt Nam, Tô Huy Rứa và Hoàng Chí Bảo đã công bố công trình *Nghiên cứu chủ thuyết phát triển của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh* [75]. Các tác giả đã khái quát những tư tưởng chủ thuyết phát triển trên thế giới; tư tưởng chủ thuyết phát triển ở Việt Nam trước thời đại Hồ Chí Minh. Trong phần nghiên cứu về chủ thuyết phát triển của Việt Nam, các tác giả trên cơ sở phân tích những vấn đề lí luận cốt yếu về chủ thuyết phát triển của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh đã làm rõ hệ mục tiêu của đổi mới, của phát triển trong giai đoạn đầu của thời kì đổi mới cũng như trong những thập kỉ đầu của thế kỉ XXI; sự vận dụng chủ thuyết phát triển của Việt Nam vào thực tiễn đổi mới hiện nay.

Bên cạnh đó, còn có nhiều bài báo chỉ ra những khía cạnh của phát triển văn hóa trong phát triển đất nước như việc chú ý đến tính bản sắc, nguồn nhân lực, di sản văn hóa và chính sách văn hóa gồm các bài viết: *Văn hóa – nguồn lực nội sinh cho sự phát triển bền vững trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường* [76], *Văn hóa – sức mạnh nội sinh của sự phát triển bền vững* [77], *Đối thoại giữa các nền văn hóa và văn minh vì hòa*

bình và phát triển bền vững [78], *Văn hóa và các lý thuyết phát triển* [79], *Văn hóa với phát triển bền vững: một góc nhìn từ vùng biên giới* [80], *Để văn hoá trở thành thành tố của phát triển bền vững* [81], *Một số vấn đề cơ bản về văn hóa trong phát triển bền vững các tỉnh biên giới Việt Nam* [82], *Xây dựng và phát triển văn hóa, con người, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước* [83], *Phát triển bền vững và vai trò của khoa học xã hội đối với phát triển bền vững ở Việt Nam* [84], *Nguồn lực văn hóa trong phát triển kinh tế xã hội* [85], *Nghiên cứu khoa học xã hội và việc nhận thức về nội dung và vai trò của văn hóa – phân tích dẫn liệu từ văn kiện các kỳ Đại hội Đảng* [86], *Vốn văn hóa với tư cách là một nguồn lực nội sinh cho phát triển đất nước* [87], *Mối quan hệ giữa vốn văn hóa và vốn xã hội trong bối cảnh chuyển đổi cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI ở Việt Nam* [88].

Trong các công trình nghiên cứu của Vương Xuân Tình [80], tác giả lựa chọn địa bàn vùng biên để nghiên cứu vì nó điển hình cho mối quan hệ, sự va chạm giữa các nền văn hóa, vai trò của văn hóa với phát triển bền vững. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất lựa chọn loại hình văn hóa cho phát triển bền vững ở vùng biên giới: văn hóa tộc người, văn hóa quốc gia, văn hóa đại chúng, văn hóa ngoại lai. Bốn loại hình này như một khung phân tích trong nghiên cứu văn hóa với phát triển bền vững ở vùng biên giới Việt Nam. Nhóm nghiên cứu có khảo sát một làng người Chăm và Khmer tại tỉnh An Giang, qua đó, tác giả khái quát đặc trưng văn hóa theo bốn loại hình trên. Trên cơ sở đó, tác giả kết luận: ‘cần tăng cường yếu tố văn hóa quốc gia; giữ gìn, phát huy giá trị của văn hóa tộc người; nâng cao văn hóa đại chúng; đẩy lùi ảnh hưởng tiêu cực của văn hóa ngoại lai; qua đó, văn hóa góp phần phát triển kinh tế – xã hội, bảo vệ vững chắc quốc phòng, an ninh [80, tr.10]. Trong *Những nhân tố bảo đảm sự phát triển bền vững*, Ngô Ngọc Thắng [89] cho rằng thực hiện tăng trưởng và phát triển kinh tế là nền tảng; tạo lập môi trường chính

trị – xã hội ổn định, lành mạnh là điều kiện tiên quyết của phát triển bền vững; phát huy ba nhân tố then chốt: sự lãnh đạo của Đảng, quản lí của Nhà nước và quyền làm chủ của Nhân dân, phát huy nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển. Trong *Phát triển bền vững và vai trò của khoa học xã hội đối với phát triển bền vững ở Việt Nam*, Phạm Văn Đức [84], ngoài việc tiếp tục khẳng định vai trò của khoa học đối với phát triển bền vững ở Việt Nam, đã đề xuất tám giải pháp nhằm phát huy vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững ở Việt Nam.

Về vai trò của từng thành tố của văn hóa đối với phát triển bền vững, tiêu biểu như các nghiên cứu: *Phát triển bền vững văn hóa và du lịch làng nghề* [90], *Vai trò của di sản văn hóa trong phát triển kinh tế – xã hội* [91], *Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa dân tộc thiểu số trong phát triển bền vững* [92], *Giáo dục Phật giáo với phát triển bền vững* [93], *Phật giáo Nam tông Khmer với sự phát triển bền vững khu vực Tây Nam Bộ* [94]. Các nghiên cứu góp phần đánh giá tác động của các hoạt động văn hóa đến lối sống, vai trò văn hóa trong phát triển du lịch ở Việt Nam như nghiên cứu của Bùi Hoài Sơn [91], Nguyễn Thị Thu Hoài [92]; những đóng góp của Phật giáo đối với phát triển bền vững trên các lĩnh vực: đạo đức, văn hóa – nghệ thuật, phong tục tập quán, giáo dục và từ thiện xã hội như nghiên cứu của của Phạm Thanh Hằng [94], vai trò của tri thức địa phương về sử dụng, bảo vệ và quản lí nguồn tài nguyên thiên nhiên, sản xuất nông nghiệp, các nghề thủ công truyền thống, y học dân gian và chăm sóc sức khỏe, điều hành và quản lí xã hội và vai trò của tri thức địa phương đối với xã hội hiện đại như nghiên cứu của Mai Văn Tùng [49]... Qua đó, các nghiên cứu góp phần khẳng định vai trò của văn hóa đối với phát triển bền vững ở Việt Nam, đặc biệt là về mặt kinh tế, xã hội. Trong các bài viết của mình, tác giả Trần Thị An [86] - [88] đã tập trung bàn về việc nhìn nhận văn hóa như một nguồn lực nội sinh phát triển đất nước ở

tư cách là một loại vốn; từ việc định lượng nó, các nhà nghiên cứu mới đề xuất được các luận cứ khoa học có cơ sở để các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý văn hóa sử dụng và phát triển văn hóa bền vững trong sự phát triển bền vững chung của đất nước.

Bên cạnh các công trình nghiên cứu, Việt Nam còn tổ chức nhiều hội thảo, tọa đàm khoa học riêng để bàn về các vấn đề của văn hóa và phát triển, theo thời gian, chúng ta có thể liệt kê một số hội thảo tiêu biểu như:

- Hội thảo Văn hóa và phát triển do Viện Khoa học Xã hội Việt Nam tổ chức tại Hà Nội năm 1991;

- Hội thảo Phương pháp luận về vai trò của văn hóa trong phát triển do Viện Khoa học Xã hội Việt Nam tổ chức vào ngày 4 – 5/11/1992;

- Hội thảo quốc tế Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc phục vụ phát triển bền vững do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội phối hợp với Trường Đại học Bansomdejchaopraya Rajabhat (Thái Lan) tổ chức tại Hà Nội ngày 17/12/2010;

- Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ IV với chủ đề Việt Nam trên con đường hội nhập và phát triển bền vững do Viện Khoa học Xã hội Việt Nam phối hợp với Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức ngày 26 – 28/11/2012 tại Hà Nội;

- Hội thảo Văn hóa và phát triển, những vấn đề của Việt Nam và kinh nghiệm của thế giới do Hội đồng Lý luận Trung ương và Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam tổ chức ngày 12/12/2017;

- Hội thảo Môi quan hệ giữa phát triển nhanh, bền vững và phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ xã hội: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế do Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Trường Đại học Kinh tế – Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh cùng phối hợp tổ chức ngày 21/12/2017.

VỀ NHỮNG NGHIÊN CỨU VỀ VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG TÂY NAM BỘ NÓI RIÊNG. Tiêu biểu cho nhóm này là các

công trình *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc phát triển nhanh và bền vững vùng Tây Nam Bộ* [95], *Những vấn đề cơ bản trong sự phát triển vùng Tây Nam Bộ* [96], *Biến đổi kinh tế, văn hóa, xã hội của cộng đồng người Chăm và Khmer tại TP. Hồ Chí Minh* [97]; các bài viết: *Nghiên cứu xã hội về Đồng bằng sông Cửu Long: thử đề xuất một vài hướng nghiên cứu trong giai đoạn 2011 – 2015* [98], *Phát triển bền vững vùng Nam Bộ và định hướng nghiên cứu* [99], *Bàn về phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh biến đổi khí hậu* [100], *Giải pháp liên kết vùng nhằm mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long theo hướng phát triển bền vững* [101], *Liên kết phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ nhìn từ năng lực sản xuất kinh doanh của chủ thể doanh nghiệp* [102]. Trong công trình *Hướng tới phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long*, Nguyễn Đình Quốc Cường [4] cho rằng phát triển không chỉ thu hẹp trong khuôn khổ nền kinh tế mà nó còn bao hàm sự tiến bộ xã hội một cách toàn diện, trong đó có văn hóa. Trong bốn nhiệm vụ, về văn hóa, tác giả cho rằng: xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước, cần đặc biệt quan tâm đến việc giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của vùng, miền; chú trọng bảo tồn và phát triển tinh hoa văn hóa, lịch sử của cư dân bản địa gắn với di sản Đờn ca tài tử và nhiều lễ hội dân gian truyền thống mang bản sắc độc đáo; không gian văn hóa sông nước, đời sống của người dân trên những khu chợ nổi tiếng đã trở thành yếu tố nổi trội, tạo nên tính hấp dẫn cho phát triển du lịch ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Các công trình đề cập trực tiếp đến vai trò, các thành tố của văn hóa trong phát triển bền vững ở Đồng bằng sông Cửu Long như *Phật giáo Nam tông Khmer với sự phát triển bền vững khu vực Tây Nam Bộ* của Phạm Thanh Hằng [94]. Theo Phạm Thanh Hằng, Phật giáo Nam tông Khmer có những đóng góp trên một số phương diện tiêu biểu như

bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa; định hướng chuẩn mực đạo đức, lối sống; duy trì và bảo tồn phong tục tập quán, củng cố lòng yêu nước và tính cố kết cộng đồng; phát triển giáo dục và tham gia hoạt động từ thiện xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái.

Các nghiên cứu về phát triển bền vững trong cộng đồng người Khmer như *Phát triển bền vững xã hội tộc người Khmer Nam Bộ từ thực tiễn đến giải pháp* [103], *Nghiên cứu thực trạng kinh tế – xã hội và những giải pháp xóa đói giảm nghèo ở người Khmer Sóc Trăng* [104], *Đặc điểm lịch sử xã hội di sản và ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững các tộc người thiểu số (trường hợp người Khmer)* [105], *Những đặc điểm văn hóa xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển của người Khmer trong bối cảnh hội nhập* [106], *Đặc điểm xã hội và đói nghèo đối với sự phát triển, phát triển bền vững của các tộc người thiểu số (trường hợp người Khmer Nam Bộ)* [107]. Thông qua nghiên cứu trường hợp người Khmer Nam Bộ, tác giả cho rằng có mối quan hệ giữa đói nghèo và phát triển ở các tộc người ở TNB. Cụ thể, học vấn và đói nghèo có tương quan với nhau, ‘học vấn thấp song hành với tình trạng đói nghèo’. Vì vậy, theo tác giả, để xóa đói giảm nghèo, phát triển bền vững, việc nâng cao dân trí và trình độ học vấn là yếu tố then chốt, đầu tiên [107, tr.515]. Đề tài trọng điểm Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh: *Một số vấn đề cấp bách đặt ra trong quá trình đồng bào Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa* [108], *Mô hình người nghèo Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long* [109]. Luận văn *Hôn nhân của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long* [110] giới thiệu về hôn nhân truyền thống của người Khmer, những biến đổi trong hôn nhân dưới tác động của các yếu tố kinh tế – xã hội và giao lưu văn hóa.

Bên cạnh đó, ở khu vực TNB còn có một số hội thảo, tọa đàm khoa học bàn về phát triển bền vững khu vực Đồng bằng sông Cửu Long:

- Tọa đàm Phát triển nhanh và bền vững

vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại thành phố Cần Thơ do Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ, Cổng Thông tin Chính phủ và VTV Cần Thơ tổ chức ngày 22/4/2012;

- Hội thảo Xây dựng chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại thành phố Cần Thơ do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Bộ Khoa học & Công nghệ, Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ chức ngày 22/5/2012;

- Hội thảo khoa học Phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ - triển khai các nhiệm vụ từ góc độ khoa học xã hội và nhân văn tại tỉnh Kiên Giang do Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phối hợp tổ chức ngày 27/3/2015;

- Hội thảo khoa học Những thách thức cho sự phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long tại TP. Hồ Chí Minh do Trung tâm Nghiên cứu Biển và Đảo, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức vào tháng 7/2017;

- Hội nghị Phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng biến đổi khí hậu tại thành phố Cần Thơ do Chính phủ tổ chức vào tháng 9/2017.

Trong khuôn khổ Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng TNB, có các đề tài đang thực hiện như *Thế chế phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ* do Khúc Thị Thanh Vân làm chủ nhiệm, Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn về phát triển, Viện Hàn lâm chủ trì thực hiện từ 2015; *Hệ thống chính trị cơ sở với yêu cầu phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ hiện nay* do Võ Khánh Vinh làm chủ nhiệm, Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm chủ trì thực hiện từ 2015; *Phát triển nguồn nhân lực và nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ* do Đặng Nguyên Anh làm chủ nhiệm, Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam chủ trì thực hiện từ 2015; *Nghiên cứu tổng thể vấn đề tôn giáo đối với việc phát triển bền vững*

Tây Nam Bộ do Trần Tuấn Phong làm chủ nhiệm, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam chủ trì thực hiện từ 2015; *Tổng kết 30 năm đổi mới và phát triển vùng Tây Nam Bộ trên quan điểm phát triển bền vững* do Nguyễn Xuân Thắng làm chủ nhiệm, Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn về phát triển, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam chủ trì thực hiện từ 2015.

Cùng với các nghiên cứu trên, còn có các nghiên cứu về văn hóa và phát triển bền vững ở các khu vực, lĩnh vực khác như Đồng bằng Bắc Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ. Các nghiên cứu này có ý nghĩa quan trọng về mặt lí luận và thực tiễn. Đây là những cơ sở quan trọng để chúng tôi so sánh với khu vực TNB trong quá trình nghiên cứu.

III. KẾT LUẬN

Như vậy, qua tổng quan tình hình nghiên cứu văn hóa trong phát triển bền vững vùng TNB, chúng tôi nhận thấy, các nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách đã chú ý giới thiệu, xây dựng những cơ sở lí luận và thực tiễn ở nhiều khía cạnh, góc độ khác nhau về vấn đề văn hóa trong phát triển bền vững. Các công trình thể hiện nỗ lực, ý thức trong việc xác định nội hàm, cấu trúc của các khái niệm văn hóa, phát triển bền vững, mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển bền vững cũng như vai trò của văn hóa đối với sự phát triển bền vững vùng TNB. Tuy nhiên, các công trình đã có vẫn chưa xây dựng được một bộ tiêu chuẩn, tiêu chí trong lĩnh vực văn hóa đối với phát triển bền vững; chưa có một công trình nào đánh giá thực trạng, tác động của văn hóa đối với sự phát triển bền vững ở TNB; cũng chưa có công trình nào đề xuất một hệ giải pháp riêng, đặc thù về vai trò của văn hóa đối với phát triển bền vững vùng TNB. Đây chính là những khoảng trống về mặt lí luận và thực tiễn mà chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu.

LỜI CẢM ƠN

Bài báo là sản phẩm của Đề tài cấp Nhà nước: “Văn hóa trong phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ”, mã số KHCN-TNB.ĐT/14-19/X21, do PGS.TS. Phạm Tiết Khánh làm chủ nhiệm, Trường Đại học Trà Vinh chủ trì thực hiện năm 2018 – 2020, thuộc Chương trình Tây Nam Bộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Tổng cục Thống kê. *Niên giám Thống kê năm 2019*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thống kê; 2019.
- [2] Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số & nhà ở Trung ương. *Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thống kê; 2019.
- [3] Ủy ban Dân tộc - Tổng cục Thống kê. *Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thống kê; 2020.
- [4] Nguyễn Đình Quốc Cường. *Hướng tới phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long*. Tuyên giáo. 2014;11:64-67.
- [5] Văn phòng Chính phủ. *Thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị với lãnh đạo các tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long (Thông báo số 304/TB-VPCP ngày 18/8/2020)*. Hà Nội; 18/8/2020.
- [6] Huỳnh Thị Gấm. *Những biến đổi kinh tế - xã hội ở nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long từ 1975 đến 1995*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Lí luận Chính trị; 2007.
- [7] Lê Quốc Lý (chủ biên). *Chính sách đối với Phật giáo Nam tông Khmer và đồng bào Khmer vùng Tây Nam Bộ*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật; 2018.
- [8] Lê Anh Trà (chủ biên). *Mấy đặc điểm văn hóa Đồng bằng sông Cửu Long*. Viện Văn hóa; 1984.
- [9] Sở Văn hóa và Thông tin An Giang. *Văn hóa Oc Eo và các văn hóa cổ ở Đồng bằng sông Cửu Long*. Sở Văn hóa và Thông tin An Giang; 1984.
- [10] Nguyễn Thanh Long. *Miền vườn sông nước Cửu Long*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Lao động; 2008.
- [11] Sơn Nam. *Đồng bằng sông Cửu Long, nét sinh hoạt xưa và văn minh miệt vườn*. TP. Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Trẻ; 2014.
- [12] Nguyễn Hữu Hiểu. *Diễn trình văn hóa Đồng bằng sông Cửu Long*. Nhà Xuất bản Thời đại; 2010.
- [13] Trần Ngọc Thêm. *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*. TP. Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Văn hóa - Văn nghệ; 2014.
- [14] Trần Phong Điều (biên soạn). *Đặc điểm văn hóa Đồng bằng sông Cửu Long*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Văn hóa - Thông tin; 2014.
- [15] Trần Quốc Vương (chủ biên). *Cơ sở Văn hoá Việt Nam*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Giáo dục; 2008.

- [16] Lý Tùng Hiếu. *Văn hoá Nam Bộ: Phiên bản mới của văn hoá truyền thống Việt Nam*. Truy cập từ: <http://khoanguan.com.vn/nghien-cuu/van-hoa-lich-su-triet-hoc/442-vn-hoa-nam-b-phiien-bn-mi-ca-vn-hoa-truyn-thng-vit-nam.html> [Ngày truy cập 29/11/2019].
- [17] Phan Huy Lê (chủ biên). *Vùng đất Nam Bộ: Quá trình hình thành và phát triển (hai tập)*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật; 2017.
- [18] Trương Thị Kim Chuyên (Chủ biên). *Vùng đất Nam Bộ, tập I: Điều kiện tự nhiên, môi trường, sinh thái*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật; 2017.
- [19] Vũ Minh Giang, Nguyễn Việt (chủ biên). *Vùng đất Nam Bộ, tập II: Từ cội nguồn đến thế kỷ VII*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật; 2017.
- [20] Nguyễn Văn Kim (chủ biên). *Vùng đất Nam Bộ, tập III: Từ thế kỷ VII đến thế kỷ XVI*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật; 2017.
- [21] Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên). *Vùng đất Nam Bộ, tập IV: Từ đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật; 2017.
- [22] Đoàn Minh Huân, Nguyễn Ngọc Hà (chủ biên). *Vùng đất Nam Bộ, tập V: Từ năm 1859 đến năm 1945*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật; 2017.
- [23] Trần Đức Cường (chủ biên). *Vùng đất Nam Bộ, tập VI: Từ năm 1945 đến năm 2010*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật; 2017.
- [24] Ngô Văn Lệ (chủ biên). *Vùng đất Nam Bộ, tập VII: Đặc trưng tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt văn hóa*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật; 2017.
- [25] Võ Văn Quân (chủ biên). *Vùng đất Nam Bộ, tập VIII: Thiết chế quản lý xã hội*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật; 2017.
- [26] Võ Công Nguyễn (chủ biên). *Vùng đất Nam Bộ, tập IX: Tộc người và quan hệ tộc người*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật; 2017.
- [27] Võ Văn Sen (chủ biên). *Vùng đất Nam Bộ, tập X: Tiến trình hội nhập khu vực và thế giới*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật; 2017.
- [28] Trần Thị Nhung (chủ biên). *Lịch sử vùng đất Nam Bộ: một số kết quả nghiên cứu*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 2011.
- [29] Trần Đức Cường (chủ biên). *Lịch sử hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ (từ khởi thủy đến năm 1945)*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 2016.
- [30] Thạch Phương, Hồ Lê, Huỳnh Lứa, Nguyễn Quang Vinh. *Văn hóa dân gian người Việt ở Nam Bộ*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 1992.
- [31] Trần Văn Bính. *Văn hóa các dân tộc Tây Nam Bộ - thực trạng và những vấn đề đặt ra*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia; 2004.
- [32] Trần Ngọc Thêm. *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Văn hoá – Văn nghệ; 2013.
- [33] Lê Thị Ngọc Điệp. *Ấm thực người Việt Tây Nam Bộ từ góc nhìn địa văn hóa*. *Tạp chí Thế giới Di sản*. 2015; 5(104):15.
- [34] Lê Hương. *Người Việt gốc Miên*. Sài Gòn; 1969.
- [35] Nguyễn Xuân Nghĩa và Phan An. Dân tộc Khơme. In trong *Viện Dân tộc học, Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam. Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 1984: tr.65-81.
- [36] Sở Văn hóa Thông tin Cửu Long. *Người Khmer tỉnh Cửu Long*. Cửu Long xuất bản; 1987.
- [37] Đoàn Thanh Nô. *Người Khmer ở Kiên Giang*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Văn hoá Dân tộc; 2002.
- [38] Phan An. *Văn hoá và xã hội người Khmer Nam Bộ*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia; 2010.
- [39] Phan Thị Yến Tuyết. *Nhà ở, trang phục, ăn uống của các dân tộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 1999.
- [40] Nguyễn Khắc Cảnh. *Loại hình công xã của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long* [Luận án Tiến sĩ]. Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh; 1997.
- [41] Trần Thảo Chi. Văn hóa phum sóc Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*. 1998;11(173):86-90.
- [42] Nguyễn Xuân Nghĩa. Đạo Phật Tiểu thừa Khmer ở vùng nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long: chức năng xã hội truyền thống và động thái xã hội. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*. 2003;5(23):25-37.
- [43] Cao Xuân Phổ. Đạo Phật của người Khmer Sóc Trăng. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*. 2003;5(23):38-43.
- [44] Cao Xuân Phổ. Văn hóa Phật giáo của người Khơme Nam Bộ. *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*. 2004;65:47-51.
- [45] Hứa Sa Ni. Chùa - một trung tâm văn hóa của người Khơme. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*. 2002;11(221):67-73.
- [46] Đào Huy Quyền, Sơn Ngọc Hoàng, Ngô Khị. *Nhạc khí dân tộc Khmer Nam Bộ*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 2005.
- [47] Sơn Phước Hoan, Sơn Ngọc Sang, Danh Sên. *Các lễ hội truyền thống của đồng bào Khmer Nam Bộ*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Giáo dục; 1998.
- [48] Trần Văn Bốn. *Phong tục và nghi lễ vòng đời người Khmer Nam Bộ*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội; 2002.
- [49] Mai Văn Tùng. *Hôn nhân cổ truyền của người Khơme (ở ấp Tập Rèn, xã An Thới, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng* [Luận văn Thạc sĩ]. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh. 1999.
- [50] Trịnh Hoài Đức. *Gia Định thành thông chí*. Sài Gòn: Nha Văn hóa Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản; 1972.
- [51] Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam nhất thống chí*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 1971.

- [52] Tsai Maw Kuey. *Người Hoa ở miền Nam Việt Nam*; 1968.
- [53] Châu Thị Hải. *Người Hoa Việt Nam và Đông Nam Á (Hình ảnh hôm qua và vị thế hôm nay)*; 2006.
- [54] Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dớp. *Văn hóa Chăm*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 1991.
- [55] Nguyễn Văn Kự, Ngô Văn Doanh. *Du khảo văn hóa Chăm* (Lê Gia Kiên - Cao Xuân Phổ - Lan Anh dịch). Hà Nội: Nhà Xuất bản Thế giới; 2005.
- [56] Sakaya. *Tiếp cận một số vấn đề văn hóa Champa*. Nhà Xuất bản Tri thức; 2013.
- [57] Nguyễn Văn Kự. *Di sản văn hóa Chăm*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thế giới; 2014.
- [58] Nguyễn Hữu Hiệp. *Đại nét văn hóa ăn uống của người Chăm An Giang*. 2014. Truy cập từ: <https://danviet.vn/dai-net-van-hoa-an-uong-cua-dong-bao-cham-o-an-giang-7777197120.htm> [Truy cập ngày 15/10/2019].
- [59] Mai Thị Minh Thuy. Hồi giáo trong đời sống văn hóa vật chất của người Chăm ở An Giang. *Tạp chí Văn hóa Lịch sử An Giang*. 2016;7(136):14-18.
- [60] Trương Quang Hải và nhóm tác giả. *Thoại Sơn trên đường phát triển bền vững*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; 2016.
- [61] Bộ Kế hoạch và Đầu tư. *Gắn kết vấn đề môi trường vào lập kế hoạch phát triển vùng và tỉnh ở Việt Nam*. Hà Nội; 1997.
- [62] Thủ tướng Chính phủ. *Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg, ngày 17/8/2004 ban hành Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam)*. 2004; Hà Nội.
- [63] Chính phủ. *Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu*.
- [64] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia; 2001.
- [65] Thủ tướng Chính phủ. *Quyết định 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 Phê duyệt Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020*.
- [66] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị lần thứ IV Ban Chấp hành TW khoá VII*. Hà Nội; 1993.
- [67] Nguyễn Hồng Phong. *Một số vấn đề về hình thái kinh tế xã hội văn hóa và phát triển*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 2000.
- [68] Nguyễn Hồng Phong. *Một số công trình nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn*, Tập 3: Văn hóa và phát triển. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 2005.
- [69] Michael Bosquet. *Sinh thái và chính trị*. Paris; 1975.
- [70] Vũ Khiêu, Phạm Xuân Nam, Hoàng Trinh (chủ biên). *Phương pháp luận về vai trò của văn hóa trong phát triển, tái bản có bổ sung sửa chữa*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 1993.
- [71] Phạm Xuân Nam. *Văn hóa và phát triển*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia; 1998.
- [72] Phạm Xuân Nam (chủ biên). *Triết lý về mối quan hệ giữa cái kinh tế và cái xã hội trong phát triển*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 2001.
- [73] Phạm Xuân Nam (chủ biên). *Triết lý phát triển ở Việt Nam – mấy vấn đề cốt yếu*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 2002.
- [74] Nguyễn Duy Bắc, Lê Quý Đức, Trần Văn Bính. *Phát triển văn hoá Việt Nam giai đoạn 2011-2020*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia; 2010.
- [75] Tô Huy Rứa và Hoàng Chí Bảo đồng (chủ biên). *Nghiên cứu chủ thuyết phát triển của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia. 2017.
- [76] Đặng Hữu Toàn. Văn hóa – nguồn lực nội sinh cho sự phát triển bền vững trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường. *Tạp chí Khoa học xã hội*. 2001;5:46-50.
- [77] Đoàn Thế Hùng. Văn hóa sức mạnh nội sinh của sự phát triển bền vững. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*. 2014;10:9-12.
- [78] Khánh Vân tổng thuật. Đối thoại giữa các nền văn hóa và văn minh vì hòa bình và phát triển bền vững. *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*. 2005;2:38-42.
- [79] Lê Xuân Kiêu. Văn hóa và các lý thuyết phát triển. *Tạp chí Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh*. 2009;11(135):11-16.
- [80] Vương Xuân Tinh. Văn hóa với phát triển bền vững: một góc nhìn từ vùng biên giới. *Dân tộc học*. 2012;5+6:4-13.
- [81] Bùi Thị Hoà. Để văn hoá trở thành thành tố của phát triển bền vững. *Tạp chí Triết học*. 2013;262:77-83.
- [82] Vương Xuân Tinh (chủ nhiệm). *Một số vấn đề cơ bản về văn hóa trong phát triển bền vững các tỉnh biên giới Việt Nam* [Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ]. Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam; 2014.
- [83] Trần Đức Châm, Nguyễn Khắc Sâm. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. *Tạp chí Giáo dục Lý Luận*. 2014;222:65-66.
- [84] Phạm Văn Đức. *Phát triển bền vững và vai trò của khoa học xã hội đối với phát triển bền vững ở Việt Nam*. Khoa học xã hội Việt Nam; 2015.
- [85] Nguyễn Toàn Thắng. Nguồn lực văn hóa trong phát triển kinh tế xã hội. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*. 2016;384:3-7.
- [86] Trần Thị An. Nghiên cứu khoa học xã hội và việc nhận thức về nội dung và vai trò của văn hóa – phân tích dẫn liệu từ văn kiện các kỳ Đại hội Đảng. *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Vai trò của khoa học xã hội trong hoạch định chủ trương, đường lối phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng*. Ban Tuyên giáo Trung ương và Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam. Hà Nội; 10/2016.
- [87] Trần Thị An. Vốn văn hóa với tư cách là một nguồn lực nội sinh cho phát triển đất nước. *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*. 2017;1.
- [88] Trần Thị An. Mối quan hệ giữa vốn văn hóa và vốn xã hội trong bối cảnh chuyển đổi cuối thế kỷ XX và

- đầu thế kỷ XXI ở Việt Nam. *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*. 2017;11&12.
- [89] Ngô Ngọc Thắng. Những nhân tố bảo đảm sự phát triển bền vững. *Lí luận chính trị*. 2014;6:70-73.
- [90] Huỳnh Quốc Thắng. Phát triển bền vững văn hóa và du lịch làng nghề. *Tạp chí Khoa học - Đại học Quốc tế Hồng Bàng*. 2015; số 3: 10-15.
- [91] Bùi Hoài Sơn. Vai trò của di sản văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội. *Tuyên giáo*. 2014;1:57-59.
- [92] Nguyễn Thị Thu Hoài. Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa dân tộc thiểu số trong phát triển bền vững. *Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật*. 2014. Truy cập tại: <http://hdl.handle.net/123456789/5633> [Truy cập ngày 25/8/2020].
- [93] Đoàn Minh Huân. Giáo dục Phật giáo với phát triển bền vững. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*. 2014;136(10):70-79.
- [94] Phạm Thanh Hằng. Phật giáo Nam tông Khmer với sự phát triển bền vững khu vực Tây Nam Bộ. *Tạp chí Khoa học xã hội*. 2016;12:79-87.
- [95] Bùi Thế Cường. *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc phát triển nhanh và bền vững vùng Tây Nam Bộ* [Đề tài nghiên cứu cấp Bộ]. Viện Phát triển bền vững vùng Nam Bộ; 2007.
- [96] Bùi Thế Cường. Những vấn đề cơ bản trong sự phát triển vùng Tây Nam Bộ [Đề tài nghiên cứu cấp Bộ]. Viện Phát triển bền vững vùng Nam Bộ; 2007.
- [97] Bộ môn Nhân học. *Biến đổi kinh tế, văn hóa, xã hội của cộng đồng người Chăm và Khmer tại TP. Hồ Chí Minh*. Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh; 2006;
- [98] Bùi Thế Cường. *Nghiên cứu xã hội về Đồng bằng sông Cửu Long: thử đề xuất một vài hướng nghiên cứu trong giai đoạn 2011-2015*. 2011:77-85.
- [99] Phan Công Khanh. Phát triển bền vững vùng Nam Bộ và định hướng nghiên cứu. *Khoa học Chính trị*. 2016;6:12-17.
- [100] Tạ Đình Thi, Tạ Văn Trung. Bàn về phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh biến đổi khí hậu. *Tài nguyên và Môi trường*. 2016;6:10-12.
- [101] Trần Đình Hồng. Giải pháp liên kết vùng nhằm mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long theo hướng phát triển bền vững. *Nghiên cứu Đông Nam Á*. 2015;1:78-81.
- [102] Nguyễn Mai Long, Lê Thanh Sang. Liên kết phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ nhìn từ năng lực sản xuất kinh doanh của chủ thể doanh nghiệp. *Khoa học xã hội vùng Nam Bộ*. 2015;3:13-28.
- [103] Dương Hoàng Lộc. Phát triển bền vững xã hội tộc người Khmer Nam Bộ từ thực tiễn đến giải pháp. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Trà Vinh*; 2015;18:1-7.
- [104] Ngô Văn Lê. *Nghiên cứu thực trạng kinh tế - xã hội và những giải pháp xóa đói giảm nghèo ở người Khmer Sóc Trăng* [Đề tài nghiên cứu cấp Trường]. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh; 2003.
- [105] Ngô Văn Lê. Đặc điểm lịch sử xã hội di sản và ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững các tộc người thiểu số (trường hợp người Khmer). Trong *Kỉ yếu trong Quan hệ tộc người và phát triển xã hội ở Việt Nam*. TP. Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh; 2011.
- [106] Ngô Văn Lê. Những đặc điểm văn hóa xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển của người Khmer trong bối cảnh hội nhập. *Kỉ yếu hội thảo khoa học Cộng đồng người Khmer trong quá trình phát triển và hội nhập*. TP. Hồ Chí Minh; 2011.
- [107] Ngô Văn Lê. Đặc điểm xã hội và đói nghèo đối với sự phát triển, phát triển bền vững của các tộc người thiểu số (trường hợp người Khmer Nam Bộ). *Kỉ yếu hội thảo khoa học Nghiên cứu và giảng dạy Việt Nam học*. TP. Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh; 2017.
- [108] Võ Văn Sen (chủ nhiệm). *Một số vấn đề cấp bách đặt ra trong quá trình đồng bào Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa: vấn đề ruộng đất - nghèo đói - quan hệ tộc người* [Đề tài nghiên cứu khoa học trọng điểm Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh]. TP. Hồ Chí Minh: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh; 2006.
- [109] Mai Chiêm Hiếu. Mô hình người nghèo Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long. *Phát triển bền vững vùng*. 2015;1(5): 43-55.
- [110] Đặng Thị Kim Oanh. *Hôn nhân của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long* [Luận văn Thạc sĩ]. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh; 2002.